Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thị xã An Khê
Email: ubndankhe@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 02.07.2019 17:27:25 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 320 /BC-UBND	*An Khê, ngày 02 tháng 7 năm 2019*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ II NĂM 2019

Thực hiện quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công,

Ủy ban nhân dân thị xã An Khê báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công quý II năm 2019 theo phụ lục đính kèm.

Ủy ban nhân dân thị xã An Khê đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Gia Lai;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- VP HĐND & UBND thị xã;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Vỹ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2019							Tỉ lệ thực hiện				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch			Khối lượng thực hiện từ 1/1/2019 đến 30/6/2019	Giải ngân thực hiện từ 1/1/2019 đến 30/6/2019			Khối lượng thực hiện	Giải ngân thực hiện			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: từng nguồn vốn cụ thể	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn theo từng nguồn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn theo từng nguồn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn theo từng nguồn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước	
A.2	Thị xã An Khê				*298.840*	*215.506*	*69.580*	*68.700*	-	*31.497*	*33.263*	*33.263*	-	*45,8*	*47,8*	*48,4*	-	
I	*Ngân sách tỉnh*				*53.000*	*53.000*	*37.940*	*37.140*	-	*19.428*	*19.194*	*19.194*	-	*52,3*	*50,6*	*51,7*	-	
1	*Vốn trong cân đối theo tiêu chí*				*50.000*	*50.000*	*30.780*	*29.980*	-	*16.542*	*17.004*	*17.004*	-	*55,2*	*55,2*	*56,7*	-	
1.1	*Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư*				*50.000*	*50.000*	*14.880*	*14.080*	-	*4.550*	*7.385*	*7.385*	-	*32,3*	*49,6*	*52,4*	-	
	Chỉnh trang đô thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	7657673	2018-2020	968/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	50.000	50.000	14.000	14.000		4.550	7.385	7.385		32,5	52,7	52,7	-	
	Vốn đối ứng CT MTQG GNBV						880	80						-	-	-	-	
1.2	*Vốn cân đối ngân sách phân cấp huyện, thị xã, thành phố*						*15.900*	*15.900*		**11.992**	**9.619**	**9.619**		**75,4**	**60,5**	**60,5**	-	
2	*Tiền sử dụng đất*				-	-	*3.360*	*3.360*	-	*361*	*361*	*361*	-	*10,7*	*10,7*	*10,7*	-	
2.1	*Tiền sử dụng đất phân cấp huyện, thị xã, thành phố*						*3.360*	*3.360*		361	361	361		10,7	10,7	10,7	-	
3	*Xổ số kiến thiết*				*3.000*	*3.000*	*3.800*	*3.800*	-	*2.525*	*1.830*	*1.830*	-	*66,5*	*48,2*	*48,2*	-	
	Trường THCS Lê Lai, xã Thành An thị xã An Khê	7729993	2019	2241/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	2.640	2.640		2.300	1.830	1.830		87,1	69,3	69,3	-	
	Chương trình NTM xã Song An						580	580						-	-	-	-	
	Chương trình NTM xã Tú An						580	580		225				38,9	-	-	-	
II	*Ngân sách trung ương*				*161.430*	*120.500*	*29.610*	*29.530*	-	*10.100*	*12.158*	*12.158*	-	*34,2*	*41,1*	*41,2*	-	
1	*Chương trình mục tiêu quốc gia*				-	-	*3.610*	*3.530*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	*Chương trình mục tiêu quốc gia NTM*						*2.730*	*2.730*						-	-	-	-	
1.2	*Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV*				-	-	*880*	*800*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Chương trình 135 thị xã An Khê						880	800						-	-	-	-	
2	*Chương trình mục tiêu*				*161.430*	*120.500*	*26.000*	*26.000*	-	*10.100*	*12.158*	*12.158*	-	*38,8*	*46,8*	*46,8*	-	
	Đường nội thị Thị xã An khê	7562792	2016-2020	987/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	80.000	16.000	16.000		6.000	5.078	5.078		37,5	31,7	31,7	-	
	Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê	7604645	2017-2021	1010/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	81.430	40.500	10.000	10.000		4.100	7.080	7.080		41,0	70,8	70,8	-	Công trình chuẩn bị
III	*Vốn kéo dài từ 2018 sang 2019*				*84.410*	*42.006*	*2.030*	*2.030*	-	*1.969*	*1.911*	*1.911*	-	*97,0*	*94,1*	*94,1*	-	
1	*Vốn kéo dài ngân sách tỉnh*				*2.980*	*1.506*	*1.506*	*1.506*	-	*1.445*	*1.387*	*1.387*	-	*95,9*	*92,1*	*92,1*	-	
	Hỗ trợ NTM Thị xã An Khê				2.000	650	650	650	-	660	650	650	-	101,5	100,0	100,0	-	
	Vốn XSKT hỗ trợ NTM Thị xã An Khê	2917		-	980	856	856	856	-	785	737	737		91,7	86,1	86,1	-	
2	*Vốn kéo dài trái ngân sách trung ương*				*81.430*	*40.500*	*524*	*524*	-	524	524	524	-	100,0	100,0	100,0	-	
	Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê	7604645	2017-2021	1010/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	81.430	40.500	524	524		524	524	524		100,0	100,0	100,0	-	
3	*Vốn kéo dài trái phiếu chính phủ*													-	-	-	-	
4	*Vốn kéo dài ODA*													-	-	-	-	